

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/DS-PT
Ngày: 05/7/2021
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: bà Ngô Ngọc Phi;
ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2021 và ngày 05/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLPT-DS ngày 28/01/2021 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2020/DS-ST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2021/QĐ-PT ngày 30/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐ-PT ngày 20/4/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 377/TB-TA ngày 14/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1947, vắng mặt;
2. Bà Trần Thị Bạch T1, sinh năm 1951, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: số 399/1, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Dương Văn N, sinh năm 1964; nơi cư trú: số 322, T12, ấp BK, xã MK, thành phố LX, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 25/02/2021, có mặt.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân thành phố LX; địa chỉ: số 99 đường NTH nổi dài, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: bà Đặng Thị Hoa R, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

Ủy quyền cho ông Đào Văn N1, Phó Chủ tịch tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Bùi Quang T2 - Phó Giám đốc TTPTQĐ thành phố LX, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1935; nơi cư trú: số 397/1, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; nơi cư trú: số 33, đường TQP, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020.

Người kháng cáo: ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Phân trình bày tại phiên tòa của ông Dương Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 thể hiện nội dung:*

- Ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trước năm 1975 và vẫn sống chung cho đến nay. Ông, bà có thừa hưởng tài sản của ông bà để lại, trong đó có diện tích 2.500m² đất tọa lạc tại phường MP được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận ngày 10/12/1989, vào sổ số 00048 QSDĐ/ea. Theo quy định pháp luật tại thời điểm đó chỉ ghi tên một người Lê Văn T nhưng thực tế quyền sử dụng đất, quyền tài sản là của vợ chồng ông, bà. Ông T, bà T1 có cho ông Nguyễn Văn M là người anh bà con canh tác, không thu tiền nhưng ông, bà vẫn phải đóng thuế theo quy định.

- Năm 2002, Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành Quyết định số 149/QĐ.UB ngày 19/01/2002 giải tỏa di dời nhà ở, vật kiến trúc trong phạm vi xây dựng Trường Đại học An Giang, Bệnh viện Đa khoa An Giang, Trường Trung cấp Y tế... đất của ông T, bà T1 cũng nằm trong diện giải tỏa. Ông T, bà T1 không biết đất của ông, bà nằm trong diện giải tỏa của Ủy ban nhân dân thành phố LX, ông Nguyễn Văn M cũng không thông báo cho ông, bà biết, ông, bà không có ký tên hoặc văn bản hay lời nói về việc bán đất cho người khác. Khi Ủy ban nhân dân thành phố LX thu hồi phần đất của ông T, bà T1 nhưng không bồi hoàn nên ông, bà khởi kiện vụ án hành chính với yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố LX phải bồi hoàn cho ông, bà phần đất bị thu hồi là 2.500m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ghi tên Lê Văn T.

- Tòa án nhân dân thành phố LX đã thụ lý vụ án hành chính ngày 15/01/2013 và tại Công văn số 1089/UBND-NC ngày 17/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố LX do ông Trần Văn N2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành

phố LX ký gửi cho Tòa án nhân dân thành phố LX đã xác định Ủy ban nhân dân thành phố LX có thu hồi đất (theo Quyết định 149) có 2.500m² đất do ông Lê Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bảng kê khai là do ông Nguyễn Văn M khai và Ủy ban nhân dân thành phố LX đã bồi thường tiền của diện tích đất bị thu hồi này cho ông Nguyễn Văn M và hướng dẫn ông T, bà T1 khởi kiện ông Nguyễn Văn M để đòi lại tiền.

- Tòa án có tổ chức đối thoại thì ông T, bà T1 có yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố LX cung cấp số tiền của ông, bà được bồi thường là bao nhiêu để ông, bà xem xét việc khởi kiện dân sự. Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố LX hứa sẽ cung cấp với hai điều kiện: ông T, bà T1 phải khởi kiện ông M để đòi tiền bằng vụ án dân sự và chấp nhận giá đền bù theo Quyết định 149.

- Ngày 04/4/2016, tại văn bản số 901/UBND-NC do ông Đào Văn N1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố LX ký gửi Tòa án nhân dân thành phố LX vẫn xác định đã thu hồi 2.500m² đất ghi tên ông Lê Văn T trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên bảng kê khai thiệt hại chung của ông M ghi là 22.760,68m² nhưng thực tế chỉ có 21.862,5m² và ông M nhận toàn bộ số tiền này nên không thể tách ra số tiền phần của ông T được nhận.

- Đến ngày 19/3/2018, người đại diện cho Ủy ban nhân dân thành phố LX cũng có ký tên vào biên bản sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố LX để xác định số tiền bồi thường cho ông T theo Quyết định 149 là bao nhiêu. Ông T, bà T1 đã chờ đợi nhưng phía Ủy ban nhân dân thành phố LX vẫn không trả lời.

- Trong vụ án hành chính nêu trên Ủy ban nhân dân thành phố LX xác định có bồi thường tiền đất cho ông Lê Văn T nhưng đã giao số tiền này cho ông M. Yêu cầu của ông T, bà T1 được đáp ứng nên ông T, bà T1 rút đơn khởi kiện vụ án hành chính để khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền được bồi thường.

- Tại văn bản số 901/UBND-NC ngày 04/4/2016, Ủy ban nhân dân thành phố LX xác định trong Quyết định 149 thu hồi đất của 04 người với tổng diện tích là 22.760,68m² nhưng thực tế chỉ có 21.862,5m² (có chênh lệch 889,18m²) giá mỗi mét vuông là 35.000đ (ba mươi lăm nghìn đồng). Quyết định 149 còn đền bù chi phí chuyển nghề và giải quyết mua ba nền nhà từ việc thu hồi tổng diện tích này. Số đất thiếu so với thống kê là 889,18m² như vậy phần bị thiếu tương đương 3,95%, ông T, bà T1 đồng ý phần đất của ông, bà cũng bị thiếu là 3,95% như vậy diện tích đất của ông, bà còn lại là $2.500 - (2.500 \times 3,95\%) = 2.401,25\text{m}^2$, tương đương số tiền 84.043.750đ (tám mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Như vậy, số tiền ông T, bà T1 có được do Ủy ban nhân dân thành phố LX bồi thường cho ông, bà là 84.043.750đ (tám mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tại thời điểm năm 2002. Ủy ban nhân dân thành phố LX thừa nhận chưa giao số tiền đó cho ông, bà nên Ủy ban nhân dân thành phố LX phải có trách nhiệm trả lại tiền cho ông T, bà T1 do trượt giá và giá trị tài sản có thay đổi nên hiện tại số tiền tương đương phải là

4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) tiền bồi hoàn cho bằng diện tích đất tại thời điểm hiện nay.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố LX trả cho ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng), do không trả số tiền 84.043.750đ (tám mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) của ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 được bồi hoàn khi nhà nước thu hồi đất từ năm 2002 đến nay.

Ông T, bà T1 không khiếu nại Quyết định 149/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố LX bồi thường năm 2002 mà ông, bà khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố LX phải trả số tiền tương đương với giá trị sử dụng của số tiền trên tại thời điểm hiện tại khi quy đổi từ tiền sang tài sản khi thu hồi và tài sản tương đương hiện tại quy ra tiền theo giá của Quyết định 451/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

** Bị đơn Ủy ban nhân dân thành phố LX vắng mặt nhưng tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/9/2019, thể hiện ý kiến:*

- Ngày 26/6/2000, ông Nguyễn Văn M kê khai thiệt hại với tổng diện tích đất là 22.768m²; trong đó, gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M (00102) và 03 giấy chứng nhận QSDĐ thể hiện như sau: 2.500m² của ông Lê Văn T (00048), 2.612m² của ông Lê Văn T4 (00091) và 2.945m² của ông Phan T3 (00050).

- Tại thời điểm thực hiện quy trình giải phóng mặt bằng, ông Nguyễn Văn M là người trực tiếp quản lý sử dụng, canh tác toàn bộ diện tích bị thu hồi. Nên ngày 29/6/2000, ông Nguyễn Văn M đứng tên kê khai thiệt hại với tổng diện tích đất là 22.768m², trong đó, có 2.500m² của ông Lê Văn T. Về nguồn gốc 2.500m² đất này, ông M khai báo với cơ quan thực hiện là đất do ông mua lại của ông T (có kèm theo bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông đang trực tiếp quản lý sử dụng, canh tác). Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, cơ quan thực hiện giải phóng mặt bằng chỉ làm việc được với ông Nguyễn Văn M và cũng không nhận được thông tin phản ánh, tranh chấp khiếu nại gì từ hộ ông Lê Văn T.

- Ngày 27/8/2001, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng có biên bản ghi nhận ý kiến thỏa thuận mức bồi thường, chính sách hỗ trợ di dời và chính sách tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn M.

- Ngày 29/01/2002, Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành quyết định số 149/QĐ-UB về việc giải tỏa di dời nhà ở, vật kiến trúc khác của các hộ dân trong phạm vi thi công xây dựng Trường Đại học An Giang, Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang, Trường Trung học Y tế, đường Ung Văn Khiêm (nổi dài), đường Lý Thái Tổ (nổi dài), đường vào khu tái định cư Lý Thái Tổ (dự kiến), vườn hoa góc đường Vành đai và đường Lý Thái Tổ (dự kiến) thuộc phường Mỹ Xuyên và phường MP, thành phố LX cho ông Nguyễn Văn M.

- Ngày 04/02/2002, ông M đã bàn giao bản chính 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00048, 00050, 00091, 00102, đồng thời nhận đầy đủ các khoản bồi thường và nền tái định cư được nêu trong quyết định. Ông M đã bàn giao mặt bằng sạch cho Nhà nước tiến hành thi công hoàn thành dự án.

- Nhận thấy, trong quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, chỉ có hộ ông M là người trực tiếp canh tác trên diện tích đất bị thu hồi, đứng ra kê khai thiệt hại, nhận tiền bồi thường, bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao mặt bằng sạch cho Nhà nước. Từ năm 2002 đến năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố LX cũng không nhận được yêu cầu khiếu nại, tranh chấp từ ông Lê Văn T. Mãi đến năm 2012, ông T mới tiến hành khởi kiện hành chính và được Tòa án nhân dân thành phố thụ lý. Trong quá trình xem xét giải quyết vì ông Lê Văn T rút đơn khởi kiện, nên ngày 05/11/2018 Tòa án nhân dân thành phố LX đã ban hành Quyết định số 01/2018/QĐST-HC, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của ông Lê Văn T. Đến ngày 07/01/2019, ông T tiếp tục khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố trả cho ông 4.000.000.000đ. Trên cơ sở hồ sơ giải phóng mặt bằng, phần đất trên đã được đền bù và ông Nguyễn Văn M đã nhận đủ các khoản bồi thường và nền nhà. Vì vậy, Ủy ban thành phố LX không có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với Ủy ban nhân dân thành phố LX.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày: ông đại diện cho ông M có ý kiến trình bày người biết rõ nguồn gốc đất liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 đối với Ủy ban nhân dân thành phố LX thì có ông Nguyễn Văn Diêm, nguyên cán bộ địa chính của Ủy ban nhân dân phường MP biết rõ sự việc vào thời điểm kê khai thu hồi đất.*

- Nguồn gốc đất của ông, bà cho mà cụ thể là của ông Nguyễn Văn Thê là cha của ông Nguyễn Văn M để cho các con canh tác và thời điểm giải phóng gia đình có chia cho các cháu là ông T đứng tên giữ nhưng thực tế đất vẫn do ông M canh tác trước giải phóng cho tới thời điểm bị thu hồi đất và mặc dù để ông T đứng tên trên giấy đất nhưng ông M vẫn thực hiện đóng 60 gia lúa để bồi hoàn cho ông T.

- Sau năm 1993, gia đình ông Nguyễn Văn M cùng ông T thực hiện việc lập giấy chuyển nhượng bằng giấy tay vào thời điểm chuyển nhượng thì có nhờ địa phương xác nhận vào tờ chuyển nhượng đất nhưng toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bản chính đã chuyển giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố để làm bộ hồ sơ thu hồi, do có đầy đủ cơ sở pháp lý ông M mới được nhận tiền bồi hoàn. Đối với thời điểm thu hồi đất đã giao hết bản chính của những tờ mua bán này cho bên thu hồi đất vào thời điểm nhận đền bù nên gia đình ông M không còn lưu giữ.

Trong vụ kiện này do phía nguyên đơn chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố LX có trách nhiệm bồi thường không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Văn M nên không có ý kiến hay yêu cầu độc lập đối với vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2020/DS-ST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 khởi kiện tranh chấp đòi tài sản là tiền (trong việc thu hồi đất) đối với Ủy ban nhân dân thành phố LX.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2020 ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện nguyên đơn trình bày: nguồn gốc phần đất 2.500m² là của ông bà để lại, trước khi được cấp quyền sử dụng thì đất do ông Thê (cậu ông T) là cha ông M sử dụng, sau khi ông T được cấp quyền sử dụng thì nguyên đơn cũng không sử dụng đất mà cho ông M mượn và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M giữ, không chuyển nhượng đất cho ông M. Xác định Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành Quyết định số 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 để thực hiện các dự án là đúng, nguyên đơn thống nhất và không khiếu nại đối với Quyết định 149/QĐ.UB. Tuy nhiên, khi Ủy ban có Quyết định 149 thực hiện các dự án thì nguyên đơn không biết, không nhận được quyết định, việc Ủy ban chi trả tiền bồi thường cho ông M đối với phần đất 2.500m² của nguyên đơn là không đúng, nguyên đơn chưa nhận được tiền đền bù từ Ủy ban, khoảng cách từ nhà nguyên đơn đến phần đất 2.500m² khoảng 2km.

Ông Hồng đại diện ông M trình bày: khẳng định phần đất 2.500m² là của cha ông M là ông Thê nhờ ông T đứng tên giữ. Thực tế ông T không có quá trình sử dụng đất, mà do ông M là người trực tiếp sử dụng từ trước đến khi bị thu hồi. Giữa ông T và ông M có làm giấy tay chuyển nhượng, nhưng giấy tờ chuyển nhượng đã nộp cho Ủy ban khi thu hồi đất.

Phần tranh luận:

Nguyên đơn: yêu cầu Hội đồng xét xử cho dừng phiên tòa để cho nguyên đơn có ý kiến đối với các chứng cứ mới mà cấp phúc thẩm thu thập và công khai tại phiên tòa, nếu Hội đồng xét xử không dừng phiên tòa thì yêu cầu kéo dài thời gian nghị án. Ủy ban nhân dân thành phố LX chỉ căn cứ vào tờ nhượng quyền sử dụng đất mà ông M cung cấp để bồi thường cho ông M mà không căn cứ vào quy định của pháp luật là không đúng. Tờ chuyển nhượng đất giữa ông M và ông T không tuân thủ về mặt hình thức, không có thời gian nên không hợp pháp. Nếu nguyên đơn không công nhận tờ giấy chuyển nhượng viết tay thì Ủy ban không có căn cứ bồi thường cho ông M. Nguyên đơn không sử dụng đất cũng không làm mất đi quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn, Ủy ban không chi trả

bồi thường cho nguyên đơn là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến: nguyên đơn thừa nhận không có quá trình sử dụng đất, mà tại thời điểm quy hoạch bồi thường ông M là người trực tiếp sử dụng đất; trong hồ sơ bồi thường ông M có cung cấp giấy tờ chuyển nhượng với ông T, nên Ủy ban không bồi thường cho ông T, bà T1 mà bồi thường cho ông M. Tại Quyết định số 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố LX thu hồi đất của ông M, trong đó có đất của ông Phan T3 và ông Lê Văn T4 nhưng họ không khiếu nại, chỉ có hộ ông T, bà T1 khiếu nại. Khoảng cách từ nhà ông T đến công trình thi công không xa nên ông T, bà T1 cho rằng không biết việc Ủy ban thực hiện các dự án là không có cơ sở. Ông M đã nhận tiền bồi thường, Ủy ban đã tiến hành xây dựng các công trình phúc lợi từ năm 2002 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều năm nay, ông T, bà T1 yêu cầu Ủy ban bồi thường là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện dân sự yêu cầu đòi tiền bồi thường do bị thu hồi đất, đáng lẽ ra phía nguyên đơn phải khiếu nại, khởi kiện quy trình về thu hồi và bồi thường tiền thu hồi đất để xác định có sai sót trong quá trình thực hiện gây thiệt hại, từ đó dẫn đến yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án dân sự từ cấp sơ thẩm đến nay, phía nguyên đơn không khiếu nại mà luôn đồng ý và lấy Quyết định 149/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố LX để làm căn cứ yêu cầu bồi thường.

Quyết định 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố LX thuộc trường hợp thu hồi đất theo trình tự của Luật Đất đai, nên Ủy ban nhân dân thành phố LX căn cứ vào phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để ban hành việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Nguyên đơn đã thống nhất không khởi kiện đối với quyết định hành chính nên đối với quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố LX đã có hiệu lực thi hành, số tiền bồi hoàn thì ông M là người trực tiếp nhận và là người đang quản lý. Trong vụ kiện này nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân thành phố LX là không đúng, không có cơ sở để chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên

không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Dương Văn N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng vắng mặt khi tuyên án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tuyên án vắng mặt nguyên đơn.

[1] Về thủ tục kháng cáo: nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, nguyên đơn không có đơn đề nghị được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo khoản 1 điều 14 của Nghị quyết, cấp sơ thẩm thông báo cho nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng, cần rút kinh nghiệm (chỉ có đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm) (BL 18).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ủy ban nhân dân thành phố LX ủy quyền cho ông Đào Văn N1 tham gia tố tụng, ngày 14/6/2021 ông Ngọc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân thành phố LX.

[3] Sau khi Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 20/5/2021 đã có thu thập thêm toàn bộ bản sao hồ sơ thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, di dời đối với hộ ông Nguyễn Văn M, theo Quyết định số 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố LX. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công khai toàn bộ tài liệu chứng cứ thu thập tại cấp phúc thẩm cho các đương sự tiếp cận các chứng cứ đã thu thập, trong đó có tờ nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M với ông T. Đại diện nguyên đơn có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để cho nguyên đơn có ý kiến đối với tờ nhượng đất, tuy nhiên yêu cầu của đại diện nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ kiện:

Nguyên đơn cho rằng được ông bà chia phần đất 2.500m² đất tọa lạc tại phường MP, được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận số 00048 QSDĐ/ea ngày 10/12/1989. Trước khi nguyên đơn được cấp quyền sử dụng thì đất do ông Thè là cha ông M sử dụng, sau khi được cấp quyền sử dụng thì cho ông M mượn đất canh tác và giao luôn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M giữ, nguyên đơn không có quá trình sử dụng đất. Năm 2002 Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành Quyết định số 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 thu hồi đất của ông M, trong đó có phần đất 2.500m² của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không biết, nay yêu cầu Ủy ban phải trả 4 tỷ đồng tương đương 2.401,25m² đất. Căn cứ để nguyên đơn yêu cầu Ủy ban bồi thường 4 tỷ

đồng là Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 mà Ủy ban nhân dân thành phố LX bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Văn Dũng (BL 119).

Ủy ban nhân dân thành phố LX không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng việc thu hồi, bồi thường phần đất 2.500m² cho ông Nguyễn Văn M theo Quyết định số 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 căn cứ vào tờ nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M với ông T và tại thời điểm bồi thường ông M là người trực tiếp sử dụng đất là đúng quy định.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Ngày 29/01/2002 Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành 149/QĐ.UB về việc việc giải tỏa di dời nhà ở, vật kiến trúc khác của các hộ dân trong phạm vi thi công xây dựng Trường Đại học An Giang, Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang, Trường Trung cấp Y tế... thuộc phường Mỹ Xuyên và phường MP, thành phố LX cho hộ ông Nguyễn Văn M. Theo Quyết định số 149/QĐ.UB, thì Ủy ban thành phố LX thu hồi của hộ ông M 21.862,50m², trong đó có 2.500m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn T đứng tên. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà T1 đều khẳng định Ủy ban nhân dân thành phố LX ban hành Quyết định số 149/QĐ.UB là đúng, thống nhất giá bồi hoàn là 35.000đ/m² và không khiếu nại hành chính hay khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 149/QĐ.UB, mà chỉ khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố LX phải trả số tiền tương đương với giá trị sử dụng của số tiền 84.043.750 đồng tại thời điểm hiện tại do trượt giá tương đương 4 tỷ đồng.

Đây là vụ kiện dân sự yêu cầu đòi tiền đền bù do bị thu hồi đất, đáng lẽ ra ông T, bà T1 phải khiếu nại, khởi kiện về trình tự thu hồi và đền bù tiền thu hồi đất để xác định Ủy ban nhân dân thành phố LX có sai sót trong quá trình thực hiện việc thu hồi, bồi thường đất có gây thiệt hại cho ông T, bà T1 hay không, để từ đó mới có cơ sở yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án dân sự từ cấp sơ thẩm đến nay, ông T, bà T1 không khiếu nại mà luôn đồng ý và lấy Quyết định 149/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố LX để làm căn cứ đòi bồi thường. Do đó, không có cơ sở để xác định Quyết định số 149/QĐ.UB của Ủy ban thành phố LX ban hành không đúng pháp luật, nên nguyên đơn yêu cầu Ủy ban phải trả 4 tỷ đồng do thu hồi phần đất 2.500m² là không có căn cứ.

Quyết định 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố LX căn cứ vào phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để ban hành việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ông T, bà T1 thống nhất không khởi kiện đối với quyết định hành chính nên Quyết định 149/QĐ.UB ngày 29/01/2002 đã có hiệu lực thi hành. Về số tiền đền bù phần đất 2.500m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên thì ông M là người trực tiếp nhận, ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố LX bồi thường là không đúng.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được

chứng cứ mới nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về án phí phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo, nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định (nguyên đơn là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm).

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2020/DS-ST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố LX phải bồi hoàn số tiền 4.000.000.000 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T1 mỗi người phải chịu 300.000đ.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp. Long Xuyên;
- THADS Tp. Long Xuyên;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV & THA;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng